

**BẢN TIN TUẦN**

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ  
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Lưu vực sông Sê San**

**(Tuần từ 23/7/2020 đến 30/7/2020)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

*Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính*

TT	Trạm	Lượng mưa tuần qua (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So (4) với cùng kỳ (+/- %)					Lượng mưa tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Kon Tum	29	592	-29	-32	-28	-55	-33	41
2	Đăk Tô	32	586	-30	127	14	-49	-32	57
3	Kon Plong	56	445	-23	91	41	-56	-20	54
4	Plei Ku	20	585	-38	-37	17	-57	-25	43
<b>Trung bình</b>		<b>44</b>	<b>556</b>						<b>49</b>

**Nhận xét:** Tuần qua trên lưu vực sông Sê San tại các trạm có mưa, lượng mưa tuần qua đạt 20 ÷ 56 mm. Tổng lượng mưa tích lũy từ 1/1/2020 trên lưu vực sông Sê San giao động từ 445 ÷ 592 mm, so với TBNN tại các trạm thấp hơn từ 23 ÷ 38%. Dự báo trong tuần tới, tại các trạm trên lưu vực sông Sê San có mưa, lượng mưa trung bình khoảng 49 mm.

**2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

*Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi*

TT	Tên công trình	Dung tích thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Tỉ lệ hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/- %)					Xu thế kỳ tiếp
		Thiết kế	Hữu ích	W <sub>tb</sub>	W <sub>hi</sub>	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Cà Sâm	1,73	1,48	13	0	-11	+9	-5	-54	-6	Tăng
2	Đăk Trít	1,48	1,12	70	60	-2	+3	+4	-3	-10	Tăng
3	Đăk Loh	4,15	2,70	40	6	-7	+3	-11	+1	-14	Tăng
4	Ya Bang Thượng	1,88	1,85	16	15	-9	0	-4	-9	-19	Tăng
5	Đăk Yên (*)	6,40	5,95	23	16	-9	-1	+2	-15	-2	Tăng
6	Đăk Kan	3,20	1,56	100	100	+30	+39	+29	+27	+29	Giảm
7	Đăk Hơ Niêng	0,80	0,44	82	67	-16	-1	-16	-19	-27	Tăng
8	Đăk Uy (*)	29,66	25,84	15	2	-8	0	-4	-11	-3	Tăng
9	Đăk Ron Ga	6,55	4,07	69	51	+4	+5	+2	-2	+14	Tăng
10	Đăk Chà Mòn	1,57	1,37	28	18	-21	-10	-16	-20	-20	Tăng
11	Đăk Sa Men	1,36	1,11	14	0	-18	-4	-9	-25	-14	Giảm
12	Đăk Prông	2,22	2,04	36	31	-23	-14	-10	-35	-14	Tăng
13	Đăk Rơ Wa	0,74	0,62	53	43	+3	+22	+20	-24	+5	Tăng
14	C19	0,31	0,24	29	24	+1	+12	+6	-2	+8	Tăng
15	Đăk Prông	1,24	1,05	75	71	+27	+45	+61	+7	0	Tăng

TT	Tên công trình	Dung tích thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Tỉ lệ hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/- %)					Xu thế kỳ tiếp
		Thiết kế	Hữu ích	W <sub>tb</sub>	W <sub>hi</sub>	TBNN	2015	2016	2018	2019	
16	Kon Tu Zốp	0,50	0,35	49	26	-3	+27	+9	-25	+23	Tăng
17	Tân Điền	0,87	0,78	45	38	-4	+20	-1	-23	-5	Tăng
18	Đăk Hơ Na	2,05	1,94	53	50	+4	+25	+13	-6	-8	Tăng
19	Hồ Chè	0,59	0,55	7	0	-8	+4	-13	-22	0	Tăng
20	Đăk Hơ Nia	1,14	0,95	16	0	-39	-52	-32	-31	-46	Tăng
21	Đăk Trang	1,21	1,02	4	0	-51	-65	-44	-43	-64	Giảm
22	Biển Hồ	42,00	28,50	48	23	+7	+10	+11	-2	+8	Tăng
23	Ia Hrung	2,09	1,58	81	74	+17	+56	+42	-9	-6	Tăng
24	Ia Năng	0,46	0,45	85	85	+16	+24	+33	+20	+16	Tăng
25	Tân Sơn	4,40	4,09	22	16	-21	-19	0	-43	-2	Tăng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>118,6</b>	<b>91,7</b>	<b>38</b>	<b>20</b>	<b>-2</b>	<b>+5</b>	<b>+4</b>	<b>-9</b>	<b>0</b>	<b>Tăng</b>

**Nhận xét:** Hiện nay, tổng dung tích 25 hồ chứa trên lưu vực sông Sê San thuộc địa phận các tỉnh Kon Tum và Gia Lai là 45,51/118,6 triệu m<sup>3</sup>, tổng dung tích toàn bộ đạt 38% thấp hơn 2% so với TBNN. Đến nay, trên địa bàn lưu vực sông Sê San vẫn còn một số hồ chứa có dung tích rất thấp như: hồ Cà Sâm, hồ Đăk Sa Men, hồ Hồ Chè, hồ Đăk Hơ Nia, hồ Đăk Trang.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

*Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du*

Công trình	Dung tích toàn bộ (triệu m <sup>3</sup> )		Tỉ lệ hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m <sup>3</sup> /s)
					TBNN	2015	2016	2018	2019		
	Thiết kế	Hiện tại	W <sub>tb</sub>	W <sub>hi</sub>							
Pleikrông	1.048,7	132,9	13	3	-14	-8	0	-41	-3	Giảm	92
Ialy	1.037,0	274,3	27	2	-24	-21	-11	-47	-5	Giảm	156
Sê San 3	92,0	88,6	96	12	-1	0	0	-1	0	Giảm	229
Sê San 4	893,3	630,2	71	0	-18	-19	-10	-26	0	Giảm	197
Sê San 4A	13,1	11,3	86	76	-9	-4	+2	-33	+8	Giảm	157
<b>Tổng</b>	<b>3.078,8</b>	<b>1.137,3</b>								<b>Giảm</b>	

**Nhận xét:** Hiện nay dung tích toàn bộ của các hồ đạt từ 13 ÷ 96% dung tích thiết kế. Tổng dung tích hiện tại của các hồ là 1.137,3 triệu m<sup>3</sup>. So với TBNN dung tích toàn bộ các hồ thấp hơn từ 1 ÷ 24%. Dự báo trong tuần tới nguồn nước đến các hồ thủy điện có xu hướng giảm, lượng nước bổ sung cho hạ du khoảng 92 ÷ 229 m<sup>3</sup>/s.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠ HÁN

### 2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi cho 25 công trình hồ chứa vừa và lớn vụ Mùa tưới cho 8.979 ha (Lúa 2.325 ha, màu và cây công nghiệp 6.654 ha), diện tích đảm bảo tưới là 8.975 ha đạt 99,95%. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy:

- Có 24/25 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

- Có 1/25 công trình nguồn nước chỉ đáp ứng khoảng 90% diện tích tưới: hồ Đăk Sa Men (đáp ứng 36 ha, 90%).

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

T T	Tên công trình	W <sub>th</sub> hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	Nhiệm vụ (ha)	Dự báo tuần 23/7 ÷ 30/7/2020, Vụ Mùa 2020				Khuyến cáo
				W <sub>hi</sub> hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	W <sub>hi</sub> cuối tuần tới (%)	
1	Hồ Cà Sấm	0,23	136	0	100	136	4	Đủ nước
2	Đắk Trít	1,04	102	60	100	102	65	Đủ nước
3	Đắk Loh	1,65	88	6	100	88	11	Đủ nước
4	Ya Bang Thượng	0,30	132	15	100	132	16	Đủ nước
5	Đắk Yên (*)	1,44	213	16	100	213	17	Đủ nước
6	Đắk Kan	3,20	285	100	100	285	100	Đủ nước
7	Đắk Hơ Niêng	0,66	273	67	100	273	68	Đủ nước
8	Đắk Uy (*)	4,40	3469	2	100	3469	5	Đủ nước
9	Đắk Ron Ga	4,54	130	51	100	130	52	Đủ nước
10	Đắk Chà Mòn	0,44	25	18	100	25	19	Đủ nước
11	Đắk Sa Men	0,18	40	0	90	36	0	Thiếu nước
12	Đắk Prông	0,81	60	31	100	60	31	Đủ nước
13	Đắk Rơ Wa	0,39	18	43	100	18	44	Đủ nước
14	C19	0,08	191	24	100	191	25	Đủ nước
15	Đắk Prông	0,94	36	71	100	36	72	Đủ nước
16	Kon Tu Zốp	0,24	17	26	100	17	29	Đủ nước
17	Tân Điền	0,39	103	38	100	103	40	Đủ nước
18	Đắk Hơ Na	1,08	41	50	100	41	51	Đủ nước
19	Hồ Chè	0,04	36	0	100	36	2	Đủ nước
20	Đắk Hơ Nia	0,18	76	0	100	76	1	Đủ nước
21	Đắk Trang	0,05	19	0	100	19	0	Đủ nước
22	Biển Hồ	20,19	2445	23	100	2445	25	Đủ nước
23	Ia Hrung	1,68	295	74	100	295	76	Đủ nước
24	Ia Năng	0,39	118	85	100	118	86	Đủ nước
25	Tân Sơn	0,96	631	16	100	631	18	Đủ nước
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45,51</b>	<b>8.979</b>			<b>8.975</b>		

## 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Kết quả tổng hợp lượng mưa từ đầu năm 2020 và lượng mưa dự báo trong tuần tới, so sánh với các năm điển hình cùng thời đoạn được tổng hợp theo từng trạm tương ứng với phạm vi ảnh hưởng tại mỗi trạm trên lưu vực được thể hiện như bảng sau:

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn tại các vùng

Trạm	Vùng	Mưa từ 01/01/2020 và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Kon Tum	TP Kon Tum, Đắk Hà	634	+103	-31	-56	
Đắk Tô	Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi, Đắk Tô	651	+77	-31	-46	
Kon Plong	KonPlong, Kon Rẫy	500	+66	-21	-60	
Plei Ku	TP PleiKu, Ia Grai, ChưPah	628	+123	-41	-62	

**Nhận xét:** Lượng mưa cộng dồn từ 01/01/2020 tính đến thời điểm hiện tại và dự báo tuần tới trên vùng lưu vực sông Sê San tại Kon Tum có thể thấp hơn TBNN từ 21 ÷ 41%. Như vậy khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước vụ Mùa 2020 dự báo có thể ở mức độ nhẹ đến trung bình nhưng vẫn có thể diễn biến phức tạp, đặc biệt đối với các vùng sản xuất phụ thuộc nước mưa nằm tại vị trí thượng nguồn, hoặc diện tích canh tác của người dân quá lớn vượt khả năng nguồn nước tự nhiên.

## 2.3 Tổng hợp thông tin hạn

Bảng 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán trong vùng

Diện tích (ha)				Chuyển đổi do thiếu nước (ha)	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất do thiếu nước (ha)	Diện tích bị ảnh hưởng (ha)		
Tổng	Lúa	Màu, cây hàng năm khác	Cây công nghiệp lâu năm			Cao nhất	Hiện tại	Xu thế
123.820	24.900	7.770	91.150					

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhìn chung, tình hình hạn hán trong vụ Mùa trên địa bàn lưu vực sông Sê San khả năng xảy ra kịch bản hạn nhẹ; vùng ngoài công trình thủy lợi khả năng bị ảnh hưởng bởi hạn hán ở mức độ nhẹ tại các khu vực đất sản xuất thuộc huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy, Chư Pah, Ia Grai và thành phố Kon Tum.

#### - Kiến nghị các địa phương thực hiện một số các giải pháp sau:

+ Các hồ chứa có khả năng thiếu nước như Đăk Sa Men, Cà Sâm, Đăk Hơ Nia, Đăk Trang, Đăk Uy, Hồ Chè... cần tích nước tối đa trong thời gian lũ tiểu mãn, nếu không xảy ra mưa tiểu mãn dung tích hồ trữ thấp cần xem xét dần tiến độ thời vụ và xem xét giảm diện tích để hạn chế hạn hán;

+ Lập kế hoạch phòng chống hạn hán cho các vùng có nguy cơ bị hạn hán thiếu nước như vùng huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy, Chư Pah, Ia Grai và thành phố Kon Tum.

+ Tăng cường truyền thông sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn nước;

+ Tăng cường áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm cho cây rau màu và cây lâu năm;

+ Đơn vị quản lý vận hành các hệ thống thủy lợi cần quản lý thực hiện chặt chẽ, sát sao công tác vận hành nhằm giảm thiểu thất thoát nguồn nước, hài hòa lượng nước tưới trong toàn khu tưới của các công trình;

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ rừng và thảm phủ thực vật trên lưu vực;

Kết quả tính toán và khuyến cáo đưa ra dựa trên số liệu hiện trạng nguồn nước và dự báo mưa dài hạn trước 3 tháng. Hiện tại, số lượng, mật độ lưới trạm quan trắc còn thưa so với yêu cầu nên kết quả dự báo sẽ có những sai số. Vì vậy cần tiếp tục theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa, nguồn nước trong giai đoạn tới.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 31/7/2020**